

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012



HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: Phòng 1901, tầng 19, tòa nhà Thăng Long, số 98A Nguyễn Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 625 266

Fax: (84-4) 35 625 265

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 21

222
NG
HIỆM
AN VÀ
T N
4Y -

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là THANG LONG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là TLC. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008 và giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2012.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 04/QPĐC-UBCK ngày 16/07/2012 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **30.000.000.000 VND** (Ba mươi tỷ đồng Việt Nam)

Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Tài chính Cổ phần Handico	Tầng 2 Tòa nhà Thăng Long Ford, 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	300.000	10%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thăng Long	P112, Tầng 11, Tòa nhà Viglacera, Mễ Trì, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	2.100.000	70%
3	Công ty TNHH Chứng khoán Meritz	34-10Yeouido-dong, Youngdeungpo-gu, Seoul, Korea	Cổ phần phổ thông	600.000	20%
	Tổng cộng			3.000.000	

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Quản lý quỹ đầu tư;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Ngọc Tuấn

Ông Nguyễn Hà Trung

Ông Yoon Hugh

Ban Giám đốc

Bà Thiều Mai Hương

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Chính Nghĩa

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Ông Min Young Chang

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Chức vụ

Trưởng ban

Ủy viên

Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Phòng 1901, tầng 19, tòa nhà Thăng Long, số 98A Nguyễn Như Kon Tum Thanh Xuân, Hà Nội
Tel : (84-4) 35 625 266
Fax : (84-4) 35 625 265
Mã số thuế : 0103020199

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2012.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG



Thiều Mai Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013



Số: 166 -13/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính năm 2012
của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long

Kính gửi : Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày tại các trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

Như đã thuyết minh tại mục 7 phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012, Công ty chưa ghi nhận doanh thu từ hợp đồng ủy thác danh mục đầu tư với giá trị 750.000.000 đồng vào kết quả kinh doanh năm 2012. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về vấn đề nêu trên, bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan đến khoản mục này cũng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2012:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập bằng sáu (06) bản tiếng Việt và (06) bản tiếng Anh. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long giữ (05) bản tiếng Việt và (05) bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ (01) bản tiếng Việt và (01) bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.





Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Ngô Đức Hưng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1786/KTV



Mẫu số B 01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		18.985.717.121	19.524.286.530
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18.546.052.058	19.322.337.727
1. Tiền	111		1.546.052.058	2.322.337.727
2. Các khoản tương đương tiền	114		17.000.000.000	17.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.168.696	1.168.696
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		1.168.696	1.168.696
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		420.496.367	162.290.107
1. Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	418.666.667	156.166.667
5. Phải thu khác	135	V.03	1.829.700	6.123.440
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài ngắn hạn khác	150		18.000.000	38.490.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	20.490.000
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		18.000.000	18.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1.287.310.352	209.464.548
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	20.111.748
1. TSCĐ hữu hình	221	V.04	-	9.272.937
- Nguyên giá	222		282.390.109	282.390.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(282.390.109)	(273.117.172)
3. TSCĐ vô hình	227	V.05	-	10.838.811
- Nguyên giá	228		109.081.549	109.081.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(109.081.549)	(98.242.738)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.287.310.352	189.352.800
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	1.287.310.352	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	189.352.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		20.273.027.473	19.733.751.078

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		515.777.955	72.721.940
I. Nợ ngắn hạn	310		68.799.455	72.721.940
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	24.519.398	13.390.820
5. Phải trả người lao động	315		280.057	372.001
6. Chi phí phải trả	316	V.08	44.000.000	58.816.779
8. Phải trả, phải nộp khác	318		-	142.340
II. Nợ dài hạn	330		446.978.500	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	VIII.1.1	446.978.500	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.09	19.757.249.518	19.661.029.138
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(10.242.750.482)	(10.338.970.862)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		20.273.027.473	19.733.751.078

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

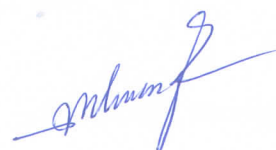
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh



Thiều Mai Hương

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	VIII.2.2	150.483.871.528	150.483.871.528
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước (VND)	041		150.200.000.000	150.200.000.000
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài (VND)	042		283.871.528	283.871.528

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh



Thiều Mai Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: Phòng 1901, tầng 19, tòa nhà Thăng Long, số 98A Ngụy Như
 Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội
 Tel: (84-4) 35 625 266 Fax: (84-4) 35 625 265

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính 2012

Mẫu số B 02 - CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		-	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (12=10-11)	12		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	VI.10	2.590.975.162	2.790.576.596
7. Chi phí tài chính	14	VI.11	44.070.016	1.070.687.295
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	VI.12	2.458.852.711	2.001.334.819
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (16=12+13-14-15)	16		88.052.435	(281.445.518)
10. Thu nhập khác	17	VI.13	8.167.945	-
11. Chi phí khác	18		-	-
12. Lợi nhuận khác (17 - 18)	19		8.167.945	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (20=16+19)	20		96.220.380	(281.445.518)
14. Thuế TNDN phải nộp	21	VI.14	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (22=20-21)	22		96.220.380	(281.445.518)

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hạnh

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG



Thiều Mai Hương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	-
2	Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(2.070.821.315)	(744.899.803)
3	Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	03		(1.579.729.877)	(1.075.082.210)
4	Tiền chi trả lãi vay	04			
5	Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	05		(105.045.479)	(80.861.700)
6	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	06		203.857.340	17.217.602
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-	(1.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.551.739.331)	(1.884.626.111)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
3	Tiền đầu tư chứng khoán	23		-	(15.452.511.051)
4	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	24		-	14.439.734.290
7	Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	27		2.775.453.662	2.776.201.596
8	Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	28		-	18.000.000.000
9	Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư	29		-	(5.000.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.775.453.662	14.763.424.835
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(776.285.669)	12.878.798.724
	(50 = 20 + 30 + 40)				
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.322.337.727	6.443.539.003
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	18.546.052.058	19.322.337.727
	(70=50 + 60 + 61)				

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh



Thiều Mai Hương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") tên giao dịch quốc tế là THANG LONG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là TLC. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008 và giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2012.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2012 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **30.000.000.000 VND (Ba mươi tỷ đồng Việt Nam).**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý quỹ đầu tư;

Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;

Tự doanh.

3. Tổng số nhân viên: 10 người

Trong đó:

Nhân viên quản lý: 01 người

Tuyển dụng mới: 02 người

Chuyển công tác: 02 người

Kỷ luật: 0 người

Danh sách nhân viên công ty đã qua kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề:

Ông Nguyễn Thanh Quỳnh Cán bộ

Ông Nguyễn Thanh Tâm Cán bộ

Ông Nguyễn Việt Hưng Cán bộ

Ông Hoàng Tuấn Nam Cán bộ

Bà Thiều Mai Hương Cán bộ

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính.

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được trình bày là khoản tương đương tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

2.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp tính khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Thiết bị văn phòng

03

2.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm quản lý.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ tài chính và Thông tư 203/2009/QĐ - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Phần mềm quản lý

03

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

3.1. Các khoản đầu tư chứng khoán tự doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tự doanh là các khoản chứng khoán được mua cho mục đích tự doanh và bán lại trong một thời gian ngắn theo Quyết định của Ban Giám đốc.

Chứng khoán tự doanh được kế toán theo dõi và hạch toán theo phương pháp giá gốc.

3.2. Chứng khoán quản lý hộ khách hàng cho hoạt động quản lý danh mục đầu tư

Chứng khoán quản lý hộ khách hàng là hoạt động quản lý danh mục đầu tư là các chứng khoán thuộc sở hữu của khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Mọi rủi ro và lợi nhuận liên quan đến các chứng khoán này đều thuộc khách hàng. Do vậy chứng khoán này được ghi nhận ngoài bảng Cân đối kế toán.

3.3. Đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam

Đầu tư ngắn hạn theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam được ghi nhận theo giá vốn ban đầu. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thu hồi được khoản đầu tư thấp hơn giá vốn ban đầu.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm: Chi phí thành lập và công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm chi phí dịch vụ kiểm toán và các chi phí khác chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ lũy kế từ hoạt động của doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu tài chính của Công ty bao gồm: doanh thu từ chứng khoán ủy thác đầu tư, lãi tiền gửi, lãi từ ủy thác quản lý vốn, doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư, lãi từ đầu tư trái phiếu, tín phiếu.

Doanh thu từ chứng khoán ủy thác đầu tư, Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Doanh thu từ lãi tiền gửi ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ được ghi nhận phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu từ ủy thác quản lý vốn ghi nhận trên cơ sở kỳ hạn và lãi suất ghi nhận trên hợp đồng Ủy thác quản lý vốn được ghi nhận phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư ghi nhận trên cơ sở phí quản lý được hưởng quy định trên hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

Riêng khoản Doanh thu phát sinh từ hợp đồng ủy thác danh mục đầu tư với giá trị 750 triệu đồng chưa được Công ty ghi nhận trong năm 2012 là do chưa nhận được biên bản nghiệm thu từ Công ty ủy thác là Công ty Tài chính Cổ phần Handico.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

10.2. Ghi nhận các khoản nhận ủy thác đầu tư, giao dịch

Nguyên tắc xác định khoản ủy thác đầu tư, giao dịch dựa theo Hợp đồng, phương án kinh doanh và được khách hàng chuyển tiền hoặc bàn giao quyền giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	7.657.003	64.297.919
Tiền gửi ngân hàng	1.538.395.055	2.258.039.808
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - CN Trần Duy Hưng	353.037.865	59.370.015
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội	193.354.499	171.863.846
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered - CN Hà Nội	985.128.682	2.023.551.674
Công ty Chứng khoán Thăng Long	2.334.298	2.253.573
Ngân hàng Đại Dương - CN Thăng Long	4.539.711	1.000.700
Các khoản tương đương tiền	17.000.000.000	17.000.000.000
Ủy thác quản lý vốn tại Công ty Tài chính cổ phần Hadinco	17.000.000.000	17.000.000.000
Tổng cộng	18.546.052.058	19.322.337.727

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Chứng khoán kinh doanh		1.168.696		1.168.696
Cổ phiếu niêm yết		1.168.696		1.168.696
Tổng Công ty đầu tư phát triển Xây dựng	5	415.956	5	415.956
Công ty FPT	3	206.180	3	206.180
Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen	4	142.122	4	142.122
Công ty vàng bạc Phú	9	404.438	9	404.438
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		-
Tổng cộng	21	1.168.696	21	1.168.696

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu người lao động	1.829.700	6.123.440
Tổng cộng	1.829.700	6.123.440

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Má y m ó c thi ế t b ị	Thi ế t b ị v ă n p h ồ n g	Đơn vị tính: VND
			Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư đầu năm	81.350.400	201.039.709	282.390.109
Số dư cuối năm	81.350.400	201.039.709	282.390.109
Trong đó:			
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 282.390.109 VND			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	81.350.400	191.766.772	273.117.172
Khấu hao trong năm	-	9.272.937	9.272.937
Số dư cuối năm	81.350.400	201.039.709	282.390.109
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	9.272.937	9.272.937
Tại ngày cuối năm	-	-	-

5. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	109.081.549	109.081.549
Số dư cuối năm	109.081.549	109.081.549
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	98.242.738	98.242.738
Khấu hao trong năm	10.838.811	10.838.811
Số dư cuối năm	109.081.549	109.081.549
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	10.838.811	10.838.811
Tại ngày cuối năm	-	-

6. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuê nhà	1.276.562.430	-
Công cụ dụng cụ	10.747.922	-
Tổng cộng	1.287.310.352	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	24.519.398	13.390.820
Tổng cộng	24.519.398	13.390.820

8. Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phí dịch vụ kiểm toán	44.000.000	55.000.000
Chi phí phải trả khác	-	3.816.779
Tổng cộng	44.000.000	58.816.779

9. Vốn chủ sở hữu

9.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2011	30.000.000.000	(10.057.525.344)	19.942.474.656
Lỗi trong năm trước	-	(281.445.518)	(281.445.518)
Số dư ngày 31/12/2011	30.000.000.000	(10.338.970.862)	19.661.029.138
Lỗi trong năm nay	-	96.220.380	96.220.380
Số dư ngày 31/12/2012	30.000.000.000	(10.242.750.482)	19.757.249.518

9.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ đầu tư

	Tỷ lệ %	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Công ty Tài chính cổ phần Handico	10%	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long	70%	21.000.000.000	21.000.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Meritz	20%	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng		30.000.000.000	30.000.000.000

9.3. Cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng</i>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**10. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	171.268.996	419.925.653
Thu nhập từ hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán	39.500	19.900.230
Lãi từ hoạt động đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam	2.419.666.666	2.350.750.713
Tổng cộng	2.590.975.162	2.790.576.596

11. Chi phí tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lỗ từ hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán	-	1.064.304.716
Chi phí lưu ký	41.888.888	-
Chi phí tài chính khác	2.181.128	6.382.579
Tổng cộng	44.070.016	1.070.687.295

12. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.664.501.055	1.182.555.701
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.111.748	129.326.800
Thuế, phí và lệ phí	3.486.000	3.923.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	650.418.608	599.707.879
Chi phí khác bằng tiền	120.335.300	85.820.939
Tổng cộng	2.458.852.711	2.001.334.819

13. Thu nhập khác

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập khác	8.167.945	-
Tổng cộng	8.167.945	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty Tài chính cổ phần Handico	396.666.667	134.166.667
Tổng cộng	418.666.667	156.166.667

2.2 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Đầu tư của Ông Yoon Hugh (i)	-	283.871.528	-	283.871.528
Đầu tư của Bà Trần Thị Thương (ii)	-	200.000.000	-	200.000.000
Đầu tư của Công ty Tài chính cổ phần Handico (iii)	4.267.129	150.000.000.000	4.267.129	150.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Trường tiên</i>	76.000	60.000.000.000	76.000	60.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 9 Hà Nội</i>	676.084	40.000.000.000	676.084	40.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Đô thị Hòa Bình</i>	2.950.000	42.500.000.000	2.950.000	42.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần nhựa Việt Nam</i>	100.000	1.619.440.000	100.000	1.619.440.000
<i>Công ty Cổ phần thiết bị điện</i>	154.105	2.556.740.000	154.105	2.556.740.000
<i>Công ty Cổ phần chứng khoán MB</i>	150.940	452.820.000	150.940	452.820.000
<i>Công ty Cổ phần bao bì HP Nhơn Trạch</i>	90.000	1.611.000.000	90.000	1.611.000.000
<i>Công ty Cổ phần Investco</i>	70.000	1.260.000.000	70.000	1.260.000.000
Tổng cộng		150.483.871.528		150.483.871.528

(i) Hợp đồng Tư vấn và quản lý Danh mục đầu tư số 5012010 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thăng Long với ông Yoon Hugh ngày 05/01/2010.

(ii) Hợp đồng Tư vấn và quản lý Danh mục đầu tư số 22122009 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thăng Long với Bà Trần Thị Thương ngày 21/12/2009.

(iii) Hợp đồng số 15122011 được ký giữa Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thăng Long với Công ty Tài Chính cổ phần Handico ngày 15/12/2011 về ủy thác đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2.3 Số liệu so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Tổng Giám đốc

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hạnh



Thiều Mai Hương

VIỆT NAM